

BỐN ĐỘNG TÂM.

Hòa Thượng Phổ Quang.

Đức Phật dạy "sau khi Như lai niết bàn, người nào đến chiêm bái bốn nơi động tâm là đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân và niết bàn là người hữu duyên với Như lai". Sở dĩ nói bốn nơi này là **động tâm** vì khi đến chiêm bái đồ chúng sẽ sinh lòng tin và phát tâm tu tập.

Commented [1]: Tâm phàm bị lay động bởi lòng tin và chuyển thành tâm Bồ đề. Đó là động tâm.

Động tâm theo nghĩa thế gian là sự rung động vì cảm xúc, theo nghĩa xuất thế là sự chuyển từ phàm tâm sang Bồ đề tâm.

Đến bốn động tâm theo nghĩa thế gian (thuộc thức phân biệt) là đến chiêm bái bốn địa điểm gồm Lâm tỳ ni, Bồ đề đạo tràng, Lộc uyển và Câu thi na. Theo nghĩa xuất thế (trí vô phân biệt) thì đến có nghĩa đạt đến sự và lý của bốn tướng này.

Chúng ta đều đã đến bốn động tâm bằng sự, giờ thì sẽ đến bằng lý theo lộ trình dưới đây.

Thị hiện.

Để hiểu cho chính xác nghĩa của tứ tướng hầu không đến sai chỗ, trước tiên phải biết cả bốn tướng ấy theo đại thừa đều là hóa pháp thị hiện. Và thế nào là thị hiện? Vì khai mở sự giác ngộ cho chúng sinh mà xuất hiện nơi đời gọi là thị hiện. *Như kinh Viên giác nói chư Phật mượn sự tham dục để vào cõi này hầu khiến chúng sinh xả bỏ ái dục*, đó là hình thức thị hiện.

Thị hiện lại có nghĩa sự xuất hiện của Chư Phật Bồ tát ở cõi hư huyễn để thức tỉnh chúng sinh đắm chìm trong mộng ảo. Dĩ nhiên chư Phật không thật sự vào cõi **hư huyễn ảo mộng** mà dùng phương tiện thiện xảo hóa hiện hợp với mộng ảo của chúng hữu tình để hiện hữu trong cõi huyễn, kinh Viên giác gọi là mượn tham dục vào cõi nhiệm để độ sinh.

Commented [2]: Cõi hư huyễn không thật thì không thật sự có việc vào ra.

Theo nghĩa thị hiện thì chúng sinh và mọi thứ ở thế giới đều là ảo mộng, cho nên ngay đến Phật và pháp trong thế gian cũng gọi là hóa Phật và hóa pháp. Hóa là thị hiện nên không thật là Phật, là pháp.

Đản sinh.

Commented [3]: Từ Đản sinh mới có thành đạo, chuyển pháp luân và niết bàn.

Nhân sao quả vậy, người thanh tịnh sinh về cõi tịnh, kẻ dục nhiễm sinh về cõi dục, nay Phật vốn thanh tịnh vô nhiễm nhưng vì bị tâm độ sinh mà lập phương tiện sinh vào cõi dục nên gọi là thị hiện đản sinh. Do thị hiện nên thân đản sinh gọi là **hóa thân** không phải thật thân. Chân thân Phật chính là thanh tịnh pháp bản tính của giác tâm tức chân tâm. Từ chân tâm thanh tịnh thị hiện thiên bá ức hóa thân độ vô số chúng sinh theo tinh thần nên hiện thân nào độ sinh thì hiện thân ấy như kinh Pháp hoa phẩm Phổ môn hiển bày.

Thị hiện đản sinh vào thế gian khác với sự thác sinh do nghiệp nhân chiêu cảm để thọ quả báo thế gian. Thị hiện đản sinh do nguyện lực đến để giác ngộ chúng sinh, thác sinh do nghiệp nhân là để lãnh thọ mọi quả báo thiện ác của nghiệp nhân đó. Do thị hiện nên tự tại quan sát thế gian mà tùy ý thị hiện đản sinh, thọ thân ra sao, và ở đâu khi nào đều như ý muốn. Do thác sinh nên bị nghiệp trôi buộc và chi phối chỗ sinh và lúc nào sinh.

Như vậy đản sinh là một hiện hữu chỉ để xoa dịu khổ đau và chấm dứt sinh tử cho chúng sinh bằng sự giác ngộ của bồ đề tâm. Nếu hiểu được nghĩa đản sinh thì mới thật sự là đến và có nhân duyên với đức Phật.

Thành Đạo.

Theo chúng sinh tri kiến thành đạo có nghĩa trải qua bao đời khổ tu công đức độ sinh ta sẽ tiến hóa dần từ phàm lên thánh, rồi từ thánh lên Phật. Theo Phật tri kiến cái ta của chúng sinh là không thật, đó chỉ là cái ta trong mộng mị, thế nên sự tu hành không phải để cái ta lên ngôi thánh hay Phật mà là rũ bỏ cái ta, bỏ cho đến khi nào chẳng còn chút ta nào trong tâm trí, bấy giờ Phật trong ta tự hiện, đó là **thật thành đạo**. Sự thành đạo này khiến ta thấy không có cái ta nào thành đạo, và như thế mới thật thành đạo. Đại thừa gọi là vô tu vô chứng, bởi vì không có ngã để tu nên cũng chẳng có ngã để chứng, tỳ chúng vô tu vì vô ngã, vô chứng vì vô pháp. Phật và pháp là tâm bản lai sẵn có, không phải nhờ tu mà mới thành có.

Thành Phật đã không phải là thành, vì có ta hiện hữu ắt không có Phật, và thành Phật thì chẳng có ta, như người mơ thấy mình làm bướm, tỉnh dậy thì thấy mình thành người ư? Mình không thật là bướm chỉ vì mê ngỡ mình làm bướm, nay tỉnh ra mới biết xưa nay mình là người mơ làm bướm, chẳng phải bướm kia thành người. Trong mơ là bướm, lúc tỉnh là người, cũng vậy khi mê là chúng sinh, lúc tỉnh là Phật, không hề có chúng sinh hay ta nào thành Phật.

Commented [4]: Tâm chúng sinh thuộc vọng, vì bị vọng thức chi phối nên luôn phân biệt mọi pháp, không thấy được thật pháp và thật Phật, do lẽ này Phật phải thị hiện hóa thân dùng hóa pháp hóa Phật để thức tỉnh chúng sinh nhận ra. Như vậy học pháp không nên nhận hóa làm thật.

Commented [5]: Thành đạo mới niết bàn, đản sinh và chuyển pháp luân

Commented [6]: Ta mất thì Phật thành, ta thành thì Phật mất

Tu tập thế nào để diệt ngã? Đó là pháp tu của nhất thiết chư Phật khi còn là Bồ tát và pháp tu này được gọi tên là Bồ tát đạo. Vậy thế nào là bồ tát đạo? Phát tâm lập nguyện là nền tảng của bồ tát đạo, phát tâm là Bồ tát, đại nguyện là đạo tức con đường tu tập của Bồ tát, nói chung Bồ tát đạo chính là phát tâm lập nguyện.

Phát tâm bồ đề thượng cầu hạ hóa, lập bồ đề nguyện nguyện thành Phật độ chúng sinh. Đại nguyện của bồ tát đạo là "đương nguyện chúng sinh", Bồ tát lấy chúng sinh làm đối tượng tu hành để thành đạo, lại thành đạo cũng chỉ để độ hóa chúng sinh. Do độ sinh mới thành Phật nên chúng sinh quả thực là công đức điền thù thắng của bồ tát đạo.

Hạ hóa độ sinh để thượng cầu Phật đạo, Bồ tát dùng **huyễn ngã** hành mọi công đức đều hồi hướng đến thành đạo quả vô thượng bồ đề, ngã chỉ là phương tiện để phục vụ cho bi nguyện độ sinh, trái với chúng sinh tri kiến chỉ dùng thiện pháp mưu cầu lợi ích cho ngã. Vì vậy phạm nhân càng tu ngã càng tăng trưởng, điều này đồng nghĩa với huyễn tăng, tham sân phát triển. Đối lại Bồ tát càng tu pháp càng trưởng dưỡng, đồng nghĩa với thật pháp tăng thượng, vô số chúng sinh được cứu độ, vì vậy bồ tát đạo là pháp tu duy nhất tăng thượng pháp và trừ diệt ngã. Cần hiểu rằng diệt ngã không có nghĩa xóa sổ ngã, mà là khiến ngã trở thành phương tiện công cụ tu pháp, khác với phạm nhân dùng pháp làm phương tiện phục vụ cho ngã.

Tự chung thành đạo chân thật là sự giác ngộ thức tỉnh về lại với bản tâm như người mơ thức giấc, mà không hề có cái ta nào trong mơ thành Phật cả. **Hiểu được nghĩa này** thì thật sự đến chỗ thành đạo.

Chuyển pháp luân.

Sau khi thành đạo, đức Phật chuyển bánh xe pháp khai mở Phật tri kiến cho chúng sinh. Chư Phật từ niết bàn diệu tâm thị hiện hóa thân vào cõi trần gian huyễn mộng thức tỉnh chúng sinh bằng hóa pháp.

Hóa thân là phương tiện của chân thân, hóa pháp là phương tiện của thật pháp, vì vậy pháp có hai loại là thật pháp và hóa pháp.

Thật pháp còn gọi là cứu cánh pháp, vô phân biệt pháp, xuất thế pháp, gọi chung là chân đế. Hóa pháp tức phương tiện pháp, quyền pháp, phân biệt pháp, thế gian pháp, gọi chung là thế tục đế.

Commented [7]: Xuất gia là để thành Phật, thành Phật tất lấy chúng sinh làm đối tượng phụng sự, nhất thiết vô ngại. Không nên ngộ hội xuất gia để được phụng sự cúng dường, đó là danh vọng lợi dưỡng, lấy Phật pháp làm đài danh vọng cho ngã, đức Phật gọi họ là sư tử trùng.

Commented [8]: Ngã chỉ do nghiệp chiêu cảm thành, không hề có thật thể nên là huyễn ngã. Đã biết ngã là huyễn nên mọi phúc báo, công đức không hồi hướng cho huyễn. Chính pháp là thật nên chỉ hồi hướng đến chính pháp, kính gọi là hồi hướng đến quả vô thượng bồ đề.

Commented [9]: Trải qua quá trình tu hành, giác ngộ cái ta chỉ là huyễn hóa, là sáng tạo chủ của luân hồi sinh tử, che mờ tính giác bản lai, khi lìa cái huyễn ngã, ắt tính giác bản lai tự hiện, như kinh Viên Giác dạy "Huyễn diệt giác viên mãn, giác tâm bất động cố", nên không thấy có thành Phật, nếu thành thì đã vốn thành từ bao giờ (cửu viên thật thành theo Thiên thai tông)

Commented [10]: Do chuyển pháp luân mới khai mở nghĩa đản sinh, thành đạo và niết bàn.

Do vì chúng sinh quen theo thức phân biệt nên chỉ hiểu được các pháp thế tục, vì thế họ không thấy được thật Phật, chính vậy chư Phật phải thị hiện hóa thân để chúng sinh thấy được, và nói hóa pháp để chúng sinh nghe ra.

Song hóa thân và hóa pháp cũng có mặt hạn vì chúng sinh quen phân biệt nên có thể ngộ nhận hóa Phật là Phật thật, hóa pháp là pháp thật, như người mù khi được giải thích màu trắng giống như sữa, họ quen theo xúc chạm nên hiểu lầm màu trắng là ướt. Hóa pháp chỉ là ngón tay chỉ bày ánh trắng thật pháp, mà không hề là ánh trắng.

Đa phần đồ chúng tin hóa Phật hóa pháp là thật, vì thế họ chẳng có một ý niệm nào về thật Phật, thật pháp và như thế chẳng còn cơ hội giác ngộ.

Thành đạo tất phải hiểu rõ thật pháp, thật pháp chỉ có một nên tất cả Bồ tát thành đạo đều chứng một thật pháp duy nhất ấy nên đồng thành Phật không sai khác. *Kinh Hoa nghiêm nói "Thập phương tam thế Phật, đồng cộng nhất pháp thân, nhất tâm nhất trí tuệ, lực vô úy diệc nhiên", mười phương ba đời Phật, cùng chung một pháp thân, một tâm một trí huệ, lực vô úy cũng vậy.*

Một thật pháp duy nhất ấy chính là bản tâm thanh tịnh mà nhất thiết chư Phật chúng sinh đều cùng có như nhau. *Kinh Kim cương nói "tất cả chúng sinh đều có tính Phật",* tính Phật là tên gọi khác của bản tâm.

Chỉ có chư Phật mới thấy biết (tri kiến) bản tâm, cũng có thể nói thấy biết được bản tâm tức quy hồi bản giác, đó chính là thành đạo. Vì vậy mục đích cứu cánh và cũng là đại sự nhân duyên của hóa thân là khai mở Phật tri kiến đó cho chúng sinh (kinh Pháp hoa). Chuyển pháp luân (độ sinh) là nhân cho thành đạo và thành đạo cũng là nhân cho chuyển pháp luân. Thành Phật và độ sinh chung quy chỉ là một tâm bồ đề.

Do chúng sinh dùng thức tình thấy có Phật và pháp, nên khi chuyển "hóa pháp luân" để thích ứng với căn tính thức tình phân biệt của chúng sinh, đức Phật phải phương tiện nói thứ lớp từ nơi vốn không phương tiện thứ lớp của thật pháp (theo lời thỉnh cầu của Bồ tát Phổ Hiền trong kinh Viên Giác), thành thử có các pháp sai biệt như tam thừa hay các loại pháp đối đãi như giới định huệ khác với tham sân si, các pháp này có tướng, có tu, có nói, có nghe, có đắc, có chứng, có bến này và bờ kia.

Ấn trong sự chuyển pháp luân hóa pháp để đáp ứng với thức phân biệt, là sự chuyển pháp luân thật pháp vô phân biệt mà chỉ có trí vô phân biệt mới nhận ra. Sự chuyển

Commented [11]: Bởi Phật chính là pháp, hiểu pháp là hiểu Phật. Vì vậy kinh Hoa nghiêm nói "Phật đĩ pháp vi thân, vô hình vô sắc, vô ảnh tượng". Kinh Kim cương phủ nhận sắc tướng là Phật "nếu lấy sắc là ta, người ấy hành tà đạo, không thấy được Như lai",

Commented [12]: Phật tri kiến là sự thấy biết được bản tâm, đồng nghĩa với thấy biết chân Phật và niết bàn.

Commented [13]: Tức thuyết các quyền pháp phương tiện đều dùng đến các pháp nhị biên phân biệt.

Commented [14]: Thứ lớp như đàn sinh cho đến niết bàn, kì thực cả bốn tướng đều là một vì trong một nào cũng có ba kia. Lại như trong Phật thừa có đủ ba thừa, nên tuy nói nhất thừa nhưng trong nhất ấy vẫn đủ ba. Song vì chúng sinh không nhận ra nhất thừa nên đức Phật phải nói ba thừa.

này chuyển mà vẫn bất động, bất động nhưng vẫn hằng chuyển. Pháp này hằng chuyển nơi mọi thời không, không đâu không lúc nào mà pháp không vận chuyển, bất kể Phật nói hay không nói, Phật hiện hay không hiện, pháp vẫn không hề ảnh hưởng mà vẫn thường chuyển bất biến. Liễu ngộ được pháp này tất không gì không phải là Phật pháp, nên thành được bất động bình đẳng tức thành tựu giới định huệ viên mãn. Vì khi ấy tham sân si cũng là giới định huệ, như *kinh Chư pháp Vô Hành dạy "Tham dục tiện thị đạo, si khuể diệc phục nhiên. Như thị tam sự trung, hữu vô lượng Phật đạo"* có nghĩa *tham dục chính là đạo, sân và si cũng thế, trong ba thứ tham sân đó, có biết bao đạo pháp*. Đó là thật pháp nhất thừa, bất động bình đẳng, vô phân biệt, trung đạo, tuy không chuyển mà chuyển, tuy chuyển mà không chuyển.

Vì thế nên chuyển pháp luân thành có hai loại là có pháp thấy "chuyển pháp luân" (tam thừa hữu vi) gọi là phương tiện chuyển pháp luân, có pháp không thấy chuyển pháp luân (nhất thừa vô vi) gọi là cứu cánh chuyển pháp luân.

Niết bàn.

Niết bàn có nghĩa tịch tĩnh vắng lặng. Là cảnh giới nhất thật của chư Phật, sở dĩ gọi là nhất thật vì không có sự phân biệt của nhị biên, có nghĩa do không có khổ nên chẳng có lạc để cầu, không có sinh cũng chẳng có tử, bởi sinh tử vốn là một, khổ lạc cũng chẳng phải hai, phàm có cái này tất có cái nọ, hề không cái này tất chẳng có kia, nhưng cả hai đều sinh từ một gốc, như ngày và đêm tuy hai nhưng cùng là một dòng thời gian. Chúng sinh phân biệt thủ xả khiến tâm động loạn bất an, Bồ tát hiểu tính thật chỉ là một nên vô thủ xả do vậy tâm bất động an lạc. Tâm bất động an lạc này là niết bàn và cũng là thật pháp.

Phật và niết bàn là nhị báo thanh tịnh sẵn có của bản tâm, ngoài bản tâm không có Phật và niết bàn. *Vì vậy theo Thai tông thành đạo là từ tịch quy hồi bản tâm*. Đồ chúng tâm mê nên không nhận ra bản tâm thật pháp, nên mê muội lang thang như cùng tử trong chốn hồng trần, để đem chúng sinh về lại cội nguồn bản tâm, chư Phật thị hiện hóa thân tùy tích mở bày Phật tri kiến cho họ ngộ nhập.

Do thức tình phân biệt của chúng sinh chỉ có thể nhận ra hữu tướng niết bàn, nên Như Lai phải tùy thuận căn tính ấy mà thị hiện niết bàn. Do đó chúng sinh ngộ niết bàn là cảnh giới chỉ có sau khi chết, Phật và chúng sinh là hai, nên cảnh Phật tức niết

Commented [15]: Dụ như khi giải thích cạp là gì thì cạp hiện ra trong ý thức người nghe, và như vậy không có nghĩa lúc nói về cạp thì mới có cạp, cạp lúc nào cũng có, dù nói hay không nói về cạp, cạp vẫn hiện hữu. Thật pháp cũng vậy, không phải nhờ Phật nói mới có, Phật nói hay không thật pháp vẫn luôn hằng hữu. Đừng hiểu lầm lời giải thích là cạp, cạp vốn thật là cạp khg cần đến giải thích, nhưng do không hiểu mới nhờ đến giải thích.

Commented [16]: Tuy tĩnh như niết bàn mà vẫn động như cõi trần, tuy động nhưng vẫn tĩnh, như tấm gương hằng chiếu nhưng hằng tĩnh chưa từng động. Đó là nghĩa của vô vi thật pháp.

Commented [17]: Niết bàn nhiếp cả ba tướng đản sinh, thành đạo và chuyển pháp luân.

Commented [18]: Cạp là cạp, lời giải thích không thật là cạp, sự không giải thích không hề không là cạp. Cạp thật sự không dính dáng gì đến cả hai biên giải thích và không giải thích.

Commented [19]: Bất động vô thủ xả nên gọi là vô vi.

Commented [20]: Phật và niết bàn cùng là bản tâm nên là thật pháp. Thật pháp này bị vọng thức nhìn thành hai, nên Phật và niết bàn đều hữu hạn, đã hữu hạn ắt vô thường, và như thế chúng sinh điên đảo nhận phi Phật là Phật, nhận phi pháp làm pháp.

bàn với sinh tử cũng là hai. Vì vậy khi Như lai sống thì sống trong sinh tử, nhưng khi ngài viên tịch thì vào cảnh giới niết bàn.

Thứ hai do trí bất động hiểu rằng Như Lai nhập niết bàn vô tướng, tức không có tướng nhập, vì vậy nhập niết bàn này không liên quan gì đến lúc sống hay khi chết, mà khi nhập niết bàn tức lìa hết mọi sống chết, sống chết chỉ còn là thị hiện tùy duyên của "niết bàn bất động không sống chết". Mọi sống chết đều nhiếp trong niết bàn này, nói đúng hơn mọi thời không của sống chết đều thuộc về niết bàn đó như là mọi hoa đóm sinh diệt đều dựa vào hư không, hay như sóng sinh diệt trong biển. Do vậy niết bàn này vô tướng, vô trụ biến nhất thiết xứ. Một khi chúng đạo tất giác ngộ sinh tử chỉ là ảo vọng, không liên can gì tới thật ngã bản tâm, như lời *đại sư Huyền Giác cảm thán sau khi đắc pháp Tào Khê "tự từng nhận đắc Tào Khê lộ, liễu tri sinh tử vô tương quan"*. Niết bàn vốn tự thanh tịnh không sinh tử, mà không phải tạo tác nên một niết bàn vô sinh vô tử, như *kinh Viên Giác Phật dạy Bồ tát Văn Thù "phi tác cố vô, bản tính vô cố"*.

Nếu hiểu nghĩa này thì tự tạo niết bàn mà không cần cầu sinh vào niết bàn của ai, bởi niết bàn chân thật là cảnh giới tự thọ dụng không ai ở nhờ ai được, vì niết bàn chỉ có chỗ cho một người, đó là Phật, không phải Phật thì không thể trụ niết bàn, chính vì thế mà chưa từng nghe chuyện Phật tiếp dẫn ai về niết bàn.

Tổng kết.

Từ đản sinh đến niết bàn tức một đời thị hiện của hóa thân chỉ nhằm vào một đại sự nhân duyên mở bày Phật tri kiến cho chúng sinh ngộ nhập đó là tâm vô thượng bồ đề - trên cầu thành Phật dưới độ chúng sinh. Thượng cầu là thành đạo, hạ hóa là chuyển pháp luân. Tâm này là bản tâm của tất cả chư Phật và chúng sinh, ngộ nhập tâm này gọi là giác ngộ vì Phật và niết bàn vốn sẵn là bản tâm. Nói đúng hơn giác ngộ không gì khác hơn là trở về với bản tâm đánh mất lâu nay.

Chúng sinh mê muội mất bản tâm lại nhận tâm mê này làm tâm nên quên mất nguồn gốc vốn là Phật nơi niết bàn, bỗng dưng thấy mình là chúng sinh trong chôn triền phược. Để đem chúng sinh về lại cội nguồn giải thoát các hóa thân từ niết bàn bản tâm thù tích vào cõi trần lao để chỉ bày cho chúng sinh khai mở Phật tri kiến tức bản tâm của chính mình để ngộ nhập vào tri kiến này tức trở về bản tâm.

Commented [21]: Do niết bàn là nhất thật không còn sinh diệt đối đãi nên vô cùng vô tận. Do niết bàn là thật tướng nên không tướng, đã không tướng nên biến khắp mọi hữu vô.

Commented [22]: Tự thọ dụng cho nên niết bàn không có chỗ cho hai người. Phạm phu ngộ nhận niết bàn ngoài mình, khi nào thành Phật thì dọn từ thế gian về niết bàn.

Commented [23]: Như cùng tử mê muội quên mất gốc trường giả mà ngỡ mình là cùng tử

Commented [24]: Thai tông gọi là tông tích quy bản.

Động tâm là khi được khai mở Phật tri kiến, ánh sáng của bản tâm soi sáng bóng tối của nhiễm tâm mở ra một cảnh giới thành Phật độ sinh và niết bàn, sự thay đổi từ nhiễm tâm sang tịnh tâm gọi là đản sinh, và khi bản tâm được đản sinh thì thành Phật, độ sinh và niết bàn sẽ hiển bày.

Nói chung bốn pháp này bất dị nhi tức thị, vốn là một. Do thức tình phân biệt của chúng sinh mà bốn pháp này phân thành hai thứ bốn pháp phương tiện và bốn pháp cứu cánh.

Bốn phương tiện pháp thì hữu tướng, hữu trụ, hữu hạn, hữu tu hữu chứng theo thức tình hữu hạn của chúng sinh, như bốn động tâm ở Ấn độ. Bốn cứu cánh pháp theo bất nhị trí thì vô tướng, vô trụ, vô hạn, vô tu vô chứng, do vô nên biến khắp thời không.

ĐT 30.1.22

PVVT

Commented [25]: Động tâm do nhiễm tâm bị tịnh tâm xô đổ.

Commented [26]: Nhiễm tâm và ta diệt thì giác mơ sinh tử cũng chết theo. Nhiễm tâm mất thì bản tâm hiện, ta mất thì Phật thành, sinh tử tan thì niết bàn hiện. Khi ấy đâu cũng là Phật, đâu cũng là niết bàn, không có trạng thái thành Phật rồi thì dọn về niết bàn.

Commented [27]: Không khác mà chính là.

Commented [28]: Biến khắp thời không nên bản tâm vô trụ, không có phương hay hướng, cũng không có quá hiện vị lai. Nhưng khi thị hiện hóa thân thì có đủ thời không. Vì vậy nơi một niệm của bản tâm chư Phật trải ra khắp muôn đời, muôn nơi và gom muôn kiếp mọi chón vào một niệm.